

Số: /ĐA-UBND
DỰ THẢO

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN TÓM TẮT

Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên

Phần thứ nhất

**CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ
THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 03/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021- 2030;

- Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Văn bản số .../BXD-PTĐT ngày ... của Bộ Xây dựng về việc rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường khi thành lập thị xã Việt Yên;

- Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2035 (tỷ lệ 1/25.000);

- Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000);

- Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Căn cứ Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tán thành chủ trương thành lập thị xã Việt Yên và thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Sự cần thiết thành lập thị xã Việt Yên

Huyện Việt Yên nằm ở cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang, có vị trí tương đối thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội. Địa bàn huyện có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, như: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, là đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn ba tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, Bắc Ninh và Bắc Giang và là tuyến huyết mạch quan trọng bậc nhất đối với 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang trong việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, du lịch, đô thị; Quốc lộ 17 và Quốc lộ 37, là trục kết nối vùng công nghiệp phía Đông nam và cụm công nghiệp phía Tây của huyện với đô thị trung tâm Bích Động đi vùng công nghiệp thành phố Thái Nguyên; đường tỉnh 295B và đường tỉnh 298, là trục kết nối đô thị trung tâm Bích Động với đô thị phía nam và các khu dân cư mới, kết nối đô thị trung tâm với vùng khai thác du lịch sinh thái, vùng sinh thái nông nghiệp và khai thác vật liệu xây dựng phía Bắc huyện...; trục đường vành đai IV - Thủ đô Hà Nội là trục động lực kết nối các vùng bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể phía Nam của huyện, đồng thời kết nối các cụm công nghiệp phía Nam và Tây nam của huyện đi vùng công nghiệp thành phố Thái Nguyên. Tuyến đường sắt Bắc - Nam và giao thông đường thủy trên sông Cầu kết nối các tỉnh, các đô thị, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như: thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Thái Nguyên,... Đặc biệt, Việt Yên còn nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gắn với hành lang phát triển kinh tế trên tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, thông thương hàng hóa, thu hút vốn đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế đa dạng, gồm: Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại. Hiện nay, đã và đang hình thành các hành lang kinh tế với nhiều khu, cụm công nghiệp có quy mô lớn đã đưa huyện Việt Yên trở thành khu vực phát triển năng động nhất của tỉnh Bắc Giang, gồm: Trục Bắc - Nam (dọc Quốc lộ 1A, từ khu công nghiệp Quang Châu đến khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng trên trục này đã và đang hình thành nhiều khu, cụm công nghiệp có quy mô lớn) và trục Đông - Tây (dọc Quốc lộ 37 nối từ khu công nghiệp

Đình Trám đến Hiệp Hoà, đây là trục có nhiều tiềm năng phát triển nhất là sau khi hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 37). Huyện Việt Yên có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với 101 di tích được xếp hạng, trong đó: có 02 di tích quốc gia đặc biệt (đình Đông, chùa Bồ Đà); 19 di tích quốc gia và 80 di tích cấp tỉnh có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật,.. Phần lớn các công trình này đều mang nét đẹp tâm linh với kiểu dáng kiến trúc độc đáo. Ngoài ra, Việt Yên còn là huyện có nhiều làng quan họ cổ, trong đó có 05 làng quan họ gốc là: Mai Vũ, Hữu Nghi, Nội Ninh, Giá Sơn (xã Ninh Sơn) và làng Sen Hồ (thị trấn Nénh); có những lễ hội văn hóa dân gian truyền thống vô cùng sinh động mang nhiều màu sắc, như: lễ hội vật cầu nước, lễ rước Thành hoàng làng Thổ Hà, hát chầu văn, hát quan họ trên sông Cầu,... Với những lợi thế đó, Việt Yên có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, hội tụ cả du lịch tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống và du lịch sinh thái.

Tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định huyện Việt Yên nằm trong tiểu vùng phát triển quan trọng của tỉnh Bắc Giang được định hướng là khu vực phát triển công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng tiêu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; giữ vị trí trung gian quan trọng, nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Thái Nguyên. Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”, tỉnh Bắc Giang đã được bổ sung vào quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; trong đó, huyện Việt Yên được định hướng phát triển không gian là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghi (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của vùng với các tỉnh Đông bắc của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 đã xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, trong đó huyện Việt Yên nâng cấp thành thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035, xác định Việt Yên là đô thị cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành chủ đạo là công nghiệp, dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo,...; có vị trí trung gian quan trọng nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với thành phố Bắc Ninh, Thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên; là trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

Để hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển theo các Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những năm qua, tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng đô thị trên địa bàn huyện Việt Yên. Trong đó, tập trung phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và dịch vụ; đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch công nghiệp với các quy hoạch khác; phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; gắn kết giữa Quy hoạch chung xây dựng đô thị với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị và phát triển không gian đô thị; xây dựng đồng bộ hạ

tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc,... Đồng thời phát triển hạ tầng thương mại, hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động trong các ngành dịch vụ như: nhà hàng, khách sạn, nhà ở công nhân, trường học, cơ sở y tế,...; phát huy vai trò, chức năng của đô thị trung tâm của tỉnh và vùng liên huyện. Phát triển huyện Việt Yên theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững lâu dài, có tính chất phù hợp với truyền thống và cảnh quan thiên nhiên. Sau nhiều năm phấn đấu, xây dựng và phát triển, đến nay kinh tế của huyện Việt Yên duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2020 - 2022 đạt 20,6%. Năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng nhờ chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trong huyện, các khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Việt Yên dần được tháo gỡ, kinh tế từng bước phục hồi. Theo đó, huyện Việt Yên vẫn đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2022, kinh tế Việt Yên duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng dịch vụ, nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 33,3%; trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 34,92%, nông nghiệp tăng trưởng 1,69%, dịch vụ thương mại tăng 9,66%. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ của toàn huyện năm 2021 chiếm 95,52%; đến năm 2022 chiếm 96,64%, tăng 1,12%; tỷ trọng nông, lâm - thủy sản năm 2021 chiếm 2,88%, năm 2022 là 2,08%, giảm 0,8%. Văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được tăng cường; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phong trào xây dựng nếp sống văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực; các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển mạnh; giải quyết việc làm, an sinh xã hội, giảm nghèo đạt nhiều kết quả; đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng lên. Năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ nghề đạt 32%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn huyện đạt 80,03%; lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị đạt 84,54%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%; năm 2022 số hộ nghèo giảm 454 hộ, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện là 1,4%; thu nhập bình quân đầu người đạt 68,4 triệu đồng/người/năm, cao hơn 1,24 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (55,2 triệu đồng); tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Với mục tiêu xây dựng huyện Việt Yên trở thành huyện trọng điểm về công nghiệp; thực hiện chủ trương thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh, hệ thống mạng lưới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngày càng phát triển. Đến nay, trên địa bàn huyện Việt Yên có 04 khu công nghiệp, gồm: khu công nghiệp Quang Châu, khu công nghiệp Vân Trung, khu công nghiệp Đình Trám, khu công nghiệp Việt Hàn với tỷ lệ lấp đầy đạt 95,3%. Về phát triển cụm công nghiệp, có cụm công nghiệp Vân Hà, cụm công nghiệp Việt Tiến, cụm công nghiệp Hoàng Mai,... với tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp trên 50%. Bên cạnh đó, huyện còn có nhiều làng nghề thủ công, truyền thống lâu đời nổi tiếng điển hình, như: sản xuất rượu ở làng Vân, sản xuất mây tre đan ở xã Tăng Tiến, sản xuất bánh đa nem ở làng Thổ Hà,... Sự phát triển mạnh mẽ từ các khu, cụm công nghiệp cũng như các làng nghề thủ công truyền thống đã tạo ra nguồn việc làm ổn định, giải quyết nguồn lao động dồi dào dư thừa tại địa phương và thu hút nguồn lao động từ các khu vực lân cận đến làm ăn, sinh sống, góp phần quan trọng trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung.

Thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035, đến nay huyện Việt Yên có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng; các khu dân cư được chỉnh trang và hình thành thêm nhiều khu dân cư mới, góp phần thay đổi diện mạo đô thị của tỉnh Bắc Giang. Huyện Việt Yên đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình phát triển của huyện Việt Yên cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần được tập trung giải quyết, như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường,... Theo đó, mô hình chính quyền nông thôn ở huyện như hiện nay không đủ khả năng để quản lý địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa nhanh. Vì vậy, cần thiết lập mô hình quản lý theo chính quyền đô thị là thị xã để quản lý cho phù hợp.

Như vậy, việc thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở nguyên trạng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là cần thiết, từng bước cụ thể hóa các quy hoạch phát triển chiến lược của tỉnh và của huyện đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc thành lập thị xã Việt Yên có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao vị thế, thúc đẩy sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như việc đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại và phát triển bền vững, từ đó tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ; đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước đối với địa bàn phát triển và tốc độ đô thị hóa cao trong thời gian qua. Đây cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân huyện Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu. Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì huyện Việt Yên đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh.

2. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên

Tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 đã xác định đã xác định phạm vi đô thị Việt Yên gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Việt Yên. Trong đó, khu vực nội thị có 77,30 km² (7.730,51 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 135.841 người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp xã là: thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn. Khu vực ngoại thị có 93,70 km² (9.370,82 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 93.112 người, bao gồm 08 xã: Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến.

Thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn là những đơn vị hành chính cấp xã nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông (cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 37,...), có địa hình bằng phẳng, quỹ đất lớn dành cho phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại – dịch vụ. Trong sự phát triển chung của huyện, thời gian qua kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị của thị trấn Bích Động đã có bước phát triển khá toàn diện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm trên 80%; công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời

sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao. Trên địa bàn các xã, thị trấn tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, khu công nghiệp, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và dự án lớn như: Khu công nghiệp Việt Hàn, Khu công nghiệp Đình Trám, Khu công nghiệp Vân Trung,...; các cụm công nghiệp Tăng Tiến, Việt Tiến, Tây Việt Tiến; các khu đô thị, trung tâm hương mại hỗn hợp và hệ thống các nhà hàng, khách sạn,... tạo sự chuyển biến trong quá trình phát triển đô thị, từng bước hình thành lõi sống đô thị. Trong đó: Thị trấn Bích Động là trung tâm hành chính, văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ, thương mại, trung tâm giáo dục đào tạo, dịch vụ vận tải,... của huyện Việt Yên; thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến là trung tâm dịch vụ, thương mại, dịch vụ vận tải, trung chuyển, khu công nghiệp (Việt Hàn), cụm công nghiệp (Tăng Tiến) và các khu dân cư (Đình Trám – Sen Hồ) dịch vụ, thương mại phục vụ công nghiệp đi kèm của huyện Việt Yên; các xã Quảng Minh và Ninh Sơn là các khu vực tập trung dân cư đông đúc với các khu dân cư, khu đô thị sinh thái văn hóa, khu trung tâm dịch vụ thương mại hỗn hợp và đô thị mới; các xã Vân Trung, Quang Châu và Tụ Lạn là địa bàn tập trung phát triển công nghiệp với các khu công nghiệp tập trung (Quang Châu và Vân Trung), các khu dân cư hiện trạng và dân cư mới dịch vụ phục vụ công nghiệp, vùng khai thác du lịch sinh thái lâm nghiệp núi Nam Biên.

Về phát triển đô thị, thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, UBND tỉnh Bắc Giang đã tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, từng bước hình thành không gian đô thị trên địa bàn các xã, thị trấn. Kết quả của quá trình đầu tư, xây dựng của tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng trong thời gian qua đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 công nhận huyện Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang và Bộ Xây dựng công nhận kết quả rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường khi thành lập thị xã Việt Yên tại Văn bản số .../BXD-PTĐT ngày

Thực trạng phát triển của thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tụ Lạn đã bảo đảm các tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15. Vì vậy, việc thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên là cần thiết, nhằm tạo lập cơ sở pháp lý để chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý từ chính quyền ở địa phương nông thôn sang chính quyền địa phương ở đô thị; góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn đang có tốc độ đô thị hóa cao; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN VIỆT YÊN VÀ CÁC XÃ THÀNH LẬP PHƯỜNG

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN VIỆT YÊN

Thời Hùng Vương - An Dương Vương, huyện Việt Yên có tên gọi là Yên Việt thuộc huyện Tây Vu, bộ Vũ Ninh của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc; thời Bắc thuộc, vẫn thuộc huyện Tây Vu, quận Giao Chỉ; Thời Lý, sau chiến thắng quân Tống vào mùa Xuân năm 1077, huyện Yên Việt được thành lập trên vùng đất ven tả ngạn sông Cầu thuộc phủ Bình Lỗ, lộ Bắc Giang. Huyện Yên Việt cùng với phòng tuyến sông

Như Nguyệt là những cái tên ghi lại trang sử oanh liệt của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thế kỷ XI. Tên gọi Yên Việt tồn tại tới thế kỷ XIX.

Đến tháng 7 năm 1820, huyện Yên Việt đổi tên thành huyện Việt Yên; dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, huyện Việt Yên có 05 tổng, gồm: Ngô Xá, Đông Lễ, Tiên Lát, Quang Biểu và Hương Tảo, chạy dài theo tả ngạn sông Cầu, huyện lỵ đặt ở Yên Viên.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, để phục vụ cho chính sách cai trị, chính quyền đô hộ đã điều chỉnh lại đơn vị hành chính các địa phương. Trong đó, huyện Việt Yên có sự điều chỉnh khá lớn: 02 tổng Ngô Xá và Đông Lễ điều chỉnh về huyện Hiệp Hòa; tổng Hương Tảo điều chỉnh về huyện Yên Dũng; đồng thời 05 tổng của huyện Yên Dũng là: Mật Ninh, Dĩnh Sơn, Tụ Lạn, Thiết Sơn và Hoàng Mai được sáp nhập vào huyện Việt Yên.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Việt Yên có 07 tổng, gồm: Quang Biểu, Tiên Lát, Mật Ninh, Dĩnh Sơn, Tụ Lạn, Thiết Sơn và Hoàng Mai với 67 xã; sau Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước xóa bỏ đơn vị hành chính cấp tổng, thành lập đơn vị hành chính cấp xã. Từ 67 xã sáp nhập thành 21 xã với các tên gọi: Chấn Hưng, Cộng Hòa, Hồng Phong, Kính Ái, Hà Lạn, Phương Lạn, Cai Vàng, Mỏ Ngân, Nghĩa Hạ, Thiết Thượng, Chu Ngân, Quang Tiến, Quang Trung, Khả Cao, Tăng Long, Thần Chúc, Tiên Sơn, Yên Hà, Tụ Lạn, Thiện Mỹ và Ninh Sơn.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, để phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo được thuận tiện, Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu I đã sắp xếp 03 xã: Chấn Hưng, Cộng Hòa và Vân Trung thành xã Hồng Phong; 02 xã: Hà Lạn, Phương Lạn thành xã Việt Tiến; 02 xã: Cai Vàng và Mỏ Ngân thành xã Minh Đức; 02 xã: Chu Ngân và Quang Tiến thành xã Quang Châu; 02 xã: Tụ Lạn và Thiện Mỹ thành xã Lan Đình; 03 xã: Ninh Sơn, Khả Cao và Quang Trung thành xã Quảng Minh; 03 xã: Yên Hà, Thần Chúc và Tiên Sơn thành xã Sơn Hà.

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, theo chủ trương của cấp trên, các xã lớn lại được chia thành các xã nhỏ hơn: xã Việt Tiến chia thành xã Việt Tiến và xã Hòa Tiến; xã Kính Ái chia thành xã Hồng Thái và xã Tăng Tiến; xã Hồng Phong chia thành xã Dân Tiến và xã Hòa Bình; xã Quảng Minh chia thành xã Quảng Minh và xã Ninh Sơn; xã Sơn Hà chia thành xã Vân Hà và xã Tiên Sơn; xã Lan Đình chia thành xã Thượng Lạn và xã Tân Tiến.

Năm 1962, Quốc hội ra Nghị quyết sáp nhập 02 tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1963, khi đó, huyện Việt Yên thuộc tỉnh Hà Bắc.

Ngày 22/4/1964, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 127/NV điều chỉnh 02 thôn Đa Mai và Thanh Mai thuộc xã Song Mai để thành lập tiểu khu Đa Mai trực thuộc thị xã Bắc Giang.

Năm 1968, xã Tân Tiến đổi tên thành xã Tụ Lạn; xã Dân Tiến đổi thành xã Vân Trung. Năm 1973, xã Hòa Bình đổi tên thành xã Hoàng Ninh. Năm 1974, xã Hòa Tiến đổi thành xã Hương Mai.

Ngày 03/5/1985, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 130/CP điều chỉnh xã Song Mai của huyện Việt Yên nhập vào thị xã Bắc Giang.

Năm 1996, Quốc hội thống nhất chia tỉnh Hà Bắc thành 02 tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Bộ máy hành chính 02 tỉnh hoạt động từ ngày 01/01/1997. Từ đó đến nay, huyện Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

Ngày 22/12/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/1997/NĐ-CP thành lập thị trấn Bích Động trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Bích Sơn.

Ngày 20/3/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2003/NĐ-CP thành lập thị trấn Nénh trên cơ sở sáp nhập một phần xã Hoàng Ninh và một phần xã Quảng Minh.

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14. Theo đó, xã Bích Sơn sáp nhập vào thị trấn Bích Động; xã Hoàng Ninh sáp nhập vào thị trấn Nénh. Đến thời điểm hiện nay, huyện Việt Yên phát triển và hoạt động ổn định với 02 thị trấn: Bích Động, Nénh và 15 xã: Hồng Thái, Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Ninh Sơn, Quang Châu, Quảng Minh, Tăng Tiến, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Tự Lạn, Vân Hà, Vân Trung, Việt Tiến.

II. QUY MÔ DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG

TT	Danh mục	Diện tích (ha)	Dân số thường trú (người)	Dân số tạm trú quy đổi (người)	Tổng số (người)
	Toàn huyện	171,01	223.702	5.251	228.953
I	<i>Khu vực nội thị dự kiến</i>	7.731	131.382	4.459	135.841
1	Thị trấn Bích Động	1.280,07	18.541	137	18.678
2	Thị trấn Nénh	1.250,86	33.527	1.344	34.871
3	Xã Hồng Thái	590,43	11.189	299	11.488
4	Xã Tăng Tiến	478,97	11.568	794	12.362
5	Xã Quảng Minh	545,51	11.172	53	11.225
6	Xã Ninh Sơn	798,84	9.225	43	9.268
7	Xã Vân Trung	967,19	10.991	852	11.843
8	Xã Quang Châu	901,29	16.429	923	17.352
9	Xã Tự Lạn	917,35	8.740	14	8.754
II	<i>Khu vực ngoại thị</i>	9.371	92.320	792	93.112
1	Xã Hương Mai	945,67	11.580	14	11.594
2	Xã Minh Đức	1845,88	14.882	31	14.913
3	Xã Nghĩa Trung	1481	11.912	11	11.923
4	Xã Thượng Lan	985,69	10.231	12	10.243
5	Xã Tiên Sơn	1446,18	12.474	15	12.489
6	Xã Trung Sơn	1230,94	11.560	9	11.569
7	Xã Vân Hà	295,31	8.692	16	8.708
8	Xã Việt Tiến	1140,16	10.989	684	11.673

Tổng hợp các tiêu chuẩn

STT	Danh mục	Đơn vị	Hiện trạng
1	Dân số toàn huyện	người	228.953
2	Dân số khu vực nội thị dự kiến	người	135.841
3	Diện tích tự nhiên toàn huyện	km2	171,01
4	Diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	km2	32,19

	dự kiến		
5	Diện tích đất dân dụng khu vực nội thị dự kiến	ha	2.198,58
6	Bình quân đất dân dụng/người	người/km2	62
7	Mật độ dân số trên diện tích tự nhiên	người/km2	1.339
8	Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng	người/km2	4.220

III. HIỆN TRẠNG KINH TẾ

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng giá trị sản phẩm (theo giá so sánh năm 2010)	triệu đồng	36.147.923	40.459.302	54.074.856
1.1	Nông - Lâm - Thủy sản	triệu đồng	815.427	824.938	838.896
1.2	Công nghiệp - Xây dựng	triệu đồng	34.398.893	38.686.252	52.196.282
1.3	Thương mại - Dịch vụ	triệu đồng	933.603	948.112	1.039.678
1.4	Thuế sản phẩm	triệu đồng	559.659	599.050	642.826
2	Cơ cấu tổng sản phẩm	%	100	100	100
2.1	Nông - Lâm - Thủy sản	%	3,32	2,88	2,08
2.2	Công nghiệp - Xây dựng	%	90,16	90,95	92,81
2.3	Thương mại - dịch vụ	%	4,86	4,57	3,83
2.4	Thuế sản phẩm	%	1,66	1,6	1,28

IV. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

TT	Danh mục	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm	%	16,7	11,93	33,3
2	Tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm	%	20,6		
3	Tốc độ tăng trưởng của tỉnh	%	13,24	7,82	19,3
4	Tốc độ tăng trưởng của cả nước	%	6,42		
5	Tăng trưởng tổng sản phẩm so với cả nước	lần		3,21	
6	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện	triệu đồng			68,4
7	Thu nhập bình quân đầu người cả nước	triệu đồng			55,2
8	Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước	lần			1,24

V. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, huyện Việt Yên được xác định nằm trong tiểu vùng phát triển quan trọng của tỉnh Bắc Giang được định hướng là khu vực phát triển công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; giữ vị trí trung gian quan trọng, nối trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Thái Nguyên.

b) Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050” tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tỉnh Bắc Giang đã được bổ sung vào quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; trong đó huyện Việt Yên được định hướng phát triển không gian là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

c) Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-230 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đô thị Việt Yên (huyện Việt Yên) là đô thị loại IV, trở thành thị xã thuộc tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2021-2025.

d) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2014 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017. Theo đó, đã xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, trong đó huyện Việt Yên nâng cấp thành thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

đ) Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 đã xác định Việt Yên là đô thị cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành chủ đạo là công nghiệp, dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo,...; có vị trí trung gian quan trọng nối trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với thành phố Bắc Ninh, Thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên; là trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và tỉnh nói chung. Theo đó, thị xã Việt Yên là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng trên địa bàn; bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các đơn vị hành chính sau khi thành lập.

Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của các đơn vị như: hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá,... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

3. Việc thành lập bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Theo đó, thành lập thị xã và 09 phường là điều kiện để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có công tác an ninh trật tự khi được tăng cường bố trí lực lượng công an chính quy trên địa bàn các xã hiện nay. Nằm ở vị trí trọng yếu, nên Việt Yên được xem là địa phương có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng, cùng với các huyện khác trong tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh tạo thành “phên giậu” bảo vệ kinh thành Thăng Long xưa - Thủ đô Hà Nội ngày nay.

4. Thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương và nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân. Huyện Việt Yên có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với 101 di tích được xếp hạng, trong đó: có 02 di tích quốc gia đặc biệt (đình Đông, chùa Bồ Đà); 19 di tích quốc gia và 80 di tích cấp tỉnh có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, nổi bật phải kể đến: hệ thống di tích lịch sử làng cổ Thổ Hà, đền thờ tiến sỹ Thân Nhân Trung, đền thờ Hán Quận công Thân Công Tài, đình - chùa Thổ Hà,... Phần lớn các công trình này đều mang nét đẹp tâm linh với kiểu dáng kiến trúc độc đáo. Không những vậy, Việt Yên còn là huyện có nhiều làng quan họ cổ, trong đó có 05 làng quan họ gốc là: Mai Vũ, Hữu Nghi, Nội Ninh, Giá Sơn (xã Ninh Sơn) và làng Sen Hồ (thị trấn Nénh). Bên cạnh đó, còn có những lễ hội văn hóa dân gian truyền thống vô cùng sinh động mang nhiều màu sắc như: lễ hội vật cầu nước, lễ rước Thành hoàng làng Thổ Hà, hát chầu văn, hát quan họ trên sông Cầu,... Với những lợi thế đó, Việt Yên có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, hội tụ cả du lịch tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống và du lịch sinh thái cộng đồng.

5. Thành lập thị xã Việt Yên đã bảo đảm 5/5 tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên đã bảo đảm 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã.

VI. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN

Thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang						
TT	Nội dung các tiêu chí	Đơn vị	Mức quy định	Số liệu hiện trạng	Đánh giá	
1	Quy mô dân số	Người	≥ 100.000	228.953		Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	200 km ²	171,01		Đạt

3	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn tỷ lệ phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc					
3.1	Số đơn vị hành chính	Đơn vị	10	17		Đạt
3.2	Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính	%	≥ 50	52,94%		Đạt
3.3	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại IV		Loại IV	Huyện Việt Yên đã được công nhận là đô thị loại loại IV tại Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng		Đạt
4	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã trực thuộc tỉnh					
4.1	<i>Chỉ tiêu về cân đối thu chi ngân sách</i>	Tỷ đồng	Đủ	Thu: 4.884 Chi: 2.997 Cân đối: Dư		Đạt
4.2	<i>Chỉ tiêu về thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước</i>	Lần	0,7	Năm 2022 đạt 68,4 triệu đồng, bằng 1,24 lần thu nhập bình quân đầu người của cả nước (55,2 triệu đồng)		Đạt
4.3	<i>Chỉ tiêu về mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 (ba) năm gần nhất</i>	%	12,45	20,6		Đạt
4.4	<i>Chỉ tiêu về tỷ lệ hộ nghèo trung bình 03 (ba) năm gần nhất</i>	%	4,07	1,8		Đạt

4.5	Chỉ tiêu về tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	%	>75	96,6		Đạt
4.6	Chỉ tiêu về tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành	%	>75	84,54		Đạt

Như vậy, tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội thị huyện Việt Yên đạt 04/04 tiêu chí của thị xã thuộc tỉnh.

VII. ĐÁNH GIÁ CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. ĐÁNH GIÁ THỊ TRẤN BÍCH ĐỘNG TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Bích Động, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	18.678	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	12,80	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 106,77 - Chi: 75,89 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,71	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83,8	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Thị trấn Bích Động	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	12	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu	100	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Thị trấn Bích Động	Đánh giá
			chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDDT		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	2,4	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	5,5	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	1.253	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	62,4	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97,2	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,7	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 2,5	10,8	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Thị trấn Bích Động đạt 13/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Như vậy, phường Bích Động dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số

27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

2. ĐÁNH GIÁ THỊ TRẤN NỀNH TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Nénh, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	34.871	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	12,51	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 68,12 - Chi: 52,36 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	0,89	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	86,7	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Thị trấn Nénh	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	18	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	2,0	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Thị trấn Nénh	Đánh giá
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	1,8	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	1.157	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	33,8	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97,1	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,11	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 2,5$	6,1	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Nénh dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

3. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN XÃ HỒNG THÁI THÀNH LẬP PHƯỜNG

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Hồng Thái, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	11.488	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	5,9	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 29,7 - Chi: 29,65 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,23	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83,2	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Hồng Thái	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	3	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	4,1	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	3,1	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	1.002	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu	m ² /người	≥ 5	29,6	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Hồng Thái	Đánh giá
	vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người				
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,1	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	95	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 2,5$	7,1	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, xã Hồng Thái dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

4. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN XÃ NINH SƠN THÀNH LẬP PHƯỜNG

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Ninh Sơn, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	9.268	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	7,99	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				

3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 42,16 - Chi: 39,57 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,76	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83,1	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Ninh Sơn	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	8	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	3,6	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	3,4	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	803	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	19,1	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	95,4	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên,	m ² /người	≥ 2	2,16	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Ninh Sơn	Đánh giá
	vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người				
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	94	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 2,5$	6,7	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Ninh Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

5. ĐÁNH GIÁ XÃ QUANG CHÂU TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Quang Châu, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	17.352	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	9,01	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 153,3 - Chi: 99,46 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,45	Đạt

3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	86,5	Đạt
-----	--------------------------------	---	-------------	------	-----

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Quang Châu	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	10	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	2,6	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,0$	3,5	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	1.045	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	22,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	96,1	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,03	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	93	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Quang Châu	Đánh giá
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 2,5$	2,8	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Quang Châu dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

6. ĐÁNH GIÁ XÃ VÂN TRUNG TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Vân Trung, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	11.843	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	9,67	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 32,32 - Chi: 30,16 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,79	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83,4	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Vân Trung	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2		công	02 công trình theo	8	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Vân Trung	Đánh giá
	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	trình	quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng		
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,5	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	1,3	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	1.005	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	17,2	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97,1	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,16	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 2,5	3,5	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Vân Trung	Đánh giá
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Vân Trung dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

7. ĐÁNH GIÁ XÃ TĂNG TIẾN TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tăng Tiến, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	12.362	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	4,79	Đạt (do nguyên trạng không áp dụng về diện tích)
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 31,22 - Chi: 25,85 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,41	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83.1	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Tăng Tiến	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	7	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Tăng Tiến	Đánh giá
	trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)				
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,9	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	2,8	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	655	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	29,8	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	95,7	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,07	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	96	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 2,5	5,2	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Tăng Tiến dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

8. ĐÁNH GIÁ XÃ QUẢNG MINH TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG.

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Quảng Minh, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	11.225	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	5,46	Đạt (do nguyên trạng không áp dụng về diện tích)
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 37,26 - Chi: 30,21 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,06	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	82	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Quảng Minh	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	5	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình	100	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Quảng Minh	Đánh giá
			đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT		
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,8	3,6	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 1,0	4,7	Đạt
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	897	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	16,4	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	95,8	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	2,1	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	92	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng của xã nông thôn mới nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 2,5	7,6	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Quảng Minh dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành

chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

9. ĐÁNH GIÁ XÃ TỰ LẠN TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tự Lạn, gồm:

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 5.000	8.754	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	$\geq 5,5$	9,17	Đạt
3	Cơ cấu kinh tế và trình độ phát triển kinh tế				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Tỷ đồng	Đủ	- Thu: 26,69 - Chi: 24,85 - Cân đối: Dư	Đạt
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020, 2021, 2022)	%	1,8	1,69	Đạt
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	$\geq 70\%$	83,2	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Tự Lạn	Đánh giá
1	Trạm y tế	công trình	01 công trình theo quy định của Bộ Y tế	1	Đạt
2	Cơ sở hạ tầng thương mại (chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa)	công trình	02 công trình theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	6	Đạt
3	Cơ sở giáo dục	%	100 % công trình đạt quy mô tối thiểu hoặc 100 % tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ GDĐT	100	Đạt
4	Đất công trình giáo dục (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân đầu người	m ² /người	$\geq 1,8$	3,9	Đạt
5	Đất công trình văn hóa, TDTT (sân chơi, sân luyện	m ² /người	$\geq 1,0$	6,3	Đạt

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Xã Tự Lạn	Đánh giá
	tập và các công trình trung tâm văn hóa thể thao) bình quân đầu người				
6	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người	≥ 400	907	Đạt
7	Đất giao thông (tính đến đường giao thông cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 5	44	Đạt
8	Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ)	%	≥ 90	97,4	Đạt
9	Đất cây xanh sử dụng công cộng (đất công viên, vườn hoa, sân chơi cấp đơn vị ở) bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	3,04	Đạt
10	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	≥ 80	100	Đạt
11	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả		Đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng xã NTM nâng cao trở lên	100	Đạt
12	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 2,5$	6,5	Đạt
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	100	

Như vậy, phường Tự Lạn dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP
CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN TỈNH BẮC GIANG

I. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP 09 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Thành lập thị xã Việt Yên

Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 171,01 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 228.953 người và 17 đơn vị hành chính trực thuộc của huyện Việt Yên.

a) Tên gọi: thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

Đặt tên thị xã “Việt Yên” theo tên huyện “Việt Yên” hiện tại.

b) Quy mô thị xã Việt Yên là 171,01 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 228.953 người.

c) Địa giới hành chính thị xã Việt Yên:

- Đông giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang;
- Tây giáp huyện Hiệp Hòa và tỉnh Bắc Ninh;
- Nam giáp tỉnh Bắc Ninh;
- Bắc giáp huyện Tân Yên.

2. Thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên

a) Thành lập phường Bích Động trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,80 km² diện tích tự nhiên; dân số là 18.678 người của thị trấn Bích Động.

Địa giới hành chính phường Bích Động: Đông giáp phường Hồng Thái và xã Nghĩa Trung; Tây giáp xã Trung Sơn; Nam giáp phường Nénh và phường Quảng Minh; Bắc giáp xã Minh Đức và phường Tự Lạn.

b) Thành lập phường Nénh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,51 km² diện tích tự nhiên; dân số là 34.871 người của thị trấn Nénh.

Địa giới hành chính phường Nénh: Đông giáp phường Tăng Tiến, phường Vân Trung và huyện Yên Dũng; Tây giáp phường Ninh Sơn và phường Quảng Minh; Nam giáp phường Quang Châu; Bắc giáp phường Bích Động và phường Hồng Thái.

c) Thành lập phường Tăng Tiến trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 4,79 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.362 người của xã Tăng Tiến.

Địa giới hành chính phường Tăng Tiến: Đông giáp xã thành phố Bắc Giang; Tây giáp phường Hồng Thái, phường Nénh và huyện Yên Dũng; Nam giáp xã Song Khê và phường Nénh; Bắc giáp thành phố Bắc Giang.

d) Thành lập phường Hồng Thái trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 5,90 km² diện tích tự nhiên; dân số 11.488 người của xã Hồng Thái.

Địa giới hành chính phường Hồng Thái: Đông giáp phường Tăng Tiến và thành phố Bắc Giang; Tây giáp phường Bích Động; Nam giáp phường Nénh; Bắc giáp xã Nghĩa Trung.

đ) Thành lập phường Quang Châu trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,01 km² diện tích tự nhiên; dân số là 17.352 người của xã Quang Châu.

Địa giới hành chính phường Quang Châu: Bắc giáp phường Quảng Minh và phường Nénh; Đông giáp phường Vân Trung và tỉnh Bắc Ninh; Tây giáp phường Ninh Sơn; Phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh.

e) Thành lập phường Vân Trung trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,67 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.843 người của xã Vân Trung.

Địa giới hành chính phường Vân Trung: Đông giáp huyện Yên Dũng; Tây giáp phường Nénh và phường Quang Châu; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp phường Nénh.

g) Thành lập phường Quảng Minh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 5,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.225 người của xã Quảng Minh.

Địa giới hành chính phường Quảng Minh: Bắc giáp phường Bích Động; Nam giáp phường Quang Châu và phường Ninh Sơn; Đông giáp phường Nénh; Tây giáp phường Ninh Sơn và xã Trung Sơn.

h) Thành lập phường Ninh Sơn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 7,99 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.268 người của xã Ninh Sơn.

Địa giới hành chính phường Ninh Sơn: Nam giáp phường Quang Châu; Tây giáp xã Tiên Sơn; Bắc giáp xã Trung Sơn và phường Quảng Minh; Đông giáp phường Quảng Minh.

i) Thành lập phường Tự Lạn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,18 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.754 người của xã Tự Lạn.

Địa giới hành chính phường Tự Lạn: Bắc giáp xã Thượng Lan và xã Minh Đức; Nam giáp xã Trung Sơn; Đông giáp phường Bích Động và xã Minh Đức; Tây giáp xã Hương Mai và xã Việt Tiến.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Tỉnh Bắc Giang

Tỉnh Bắc Giang không thay đổi diện tích tự nhiên, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, xã. Trong đó:

- a) Cấp huyện tăng 01 thị xã; giảm 01 huyện;
- b) Cấp xã tăng 09 phường; giảm 07 xã và 02 thị trấn.

Như vậy, tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.875.200 người; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và 08 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 175 xã, 19 phường và 15 thị trấn.

2. Thị xã Việt Yên

Thị xã Việt Yên có 171,01 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 228.953 người; có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 09 phường: Bích Động, Nénh, Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn và 08 xã: Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ VIỆT YÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực:

Thị xã Việt Yên là đô thị chuyên ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ của tỉnh, việc thành lập thị xã sẽ thúc đẩy hơn nữa việc khai thác các tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý và giao thông kết nối, góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Theo đó, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh và của thị xã tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương

mai - dịch vụ; thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Sau khi thành lập, tỉnh Bắc Giang và thị xã Việt Yên sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được phê duyệt.

Thị xã Việt Yên có mạng lưới giao thông khá thuận tiện, bao gồm đường bộ, đường sông và đường sắt; trong đó: Quốc lộ 1A, tỉnh lộ 295 B, tuyến đường sắt xuyên Việt chạy qua huyện, nối liền Việt Yên với Thủ đô Hà Nội và biên giới Việt Nam – Trung Quốc và Quốc lộ 37, tỉnh lộ 172, 289, 398 cùng mạng lưới đường liên xã, liên thôn nối liền các thôn xã với nhau và các vùng xung quanh. Thị xã Việt Yên cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) khoảng 120 km; cách sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 45 km; cách cảng biển Hải Phòng và cảng biển nước sâu Cái Lân - Quảng Ninh khoảng 135 km,... Theo đó, sau khi được thành lập, thị xã Việt Yên sẽ là điểm thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch và xuất nhập khẩu, tiếp vận - trung chuyển hàng hóa.

Một bộ phận lao động trong ngành nông nghiệp khu vực nông thôn sẽ trở thành khu vực nội thị, bộ phận lao động còn lại ở nông thôn khi nông nhân cũng chuyển vào nội thị làm việc thời vụ tại các công trường xây dựng, các khu – cụm công nghiệp, các cơ sở dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch. Một lượng khá lớn lao động từ các địa phương khác đến Việt Yên làm việc khi các ngành kinh tế thương mại – dịch vụ - du lịch và công nghiệp – xây dựng được mở rộng và tăng quy mô sản xuất.

Các tác động trên góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Yên ngày càng nhanh và vững chắc. Mục tiêu phát triển kinh tế của thị xã Việt Yên sau khi được thành lập, như sau: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (bao gồm cả KCN trên địa bàn) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 23%; trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 23,2%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 13-14%,... Đồng thời cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội sẽ được tăng cường đầu tư như đường giao thông, điện, nước, nhà ở, cung ứng dịch vụ hậu cần, các vấn đề xã hội như quản lý an ninh trật tự, các dịch vụ vui chơi giải trí, khám chữa bệnh,... dự báo giai đoạn 2021-2025 thị xã sẽ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 73.000 tỷ đồng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Việc thành lập thị xã Việt Yên sẽ có những khó khăn trong công tác quản lý nhà nước ở chính quyền đô thị, quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, trật tự đô thị (lấn chiếm vỉa hè, lao động tự do,...), cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh,...; hệ thống hạ tầng đô thị gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dần được hoàn thiện và đồng bộ theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên nên một số lĩnh vực chưa được đồng bộ.

Kinh tế phát triển, cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch làm cơ cấu xã hội – dân số biến đổi theo hướng tăng dân số cơ học, tạo áp lực lớn đối với thị xã về quản lý xã hội. Kinh tế của Việt Yên ngày càng nhanh và vững chắc, nhưng cũng đặt ra áp lực về cơ sở hạ tầng, quản lý xã hội do việc tăng dân số cơ học. Kinh tế phát triển, mọi yêu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đều tăng như đường giao thông, điện, nước, nhà ở, cung ứng dịch vụ hậu cần, các vấn đề xã hội như quản lý an ninh trật tự, các dịch vụ vui chơi giải trí, khám chữa bệnh. Quá trình đô thị hóa sẽ ảnh hưởng mọi mặt tới kinh tế - xã hội Việt Yên, một mặt vừa đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, nhưng nó cũng phát sinh các vấn đề về môi trường, về xã hội cần phải giải quyết.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tổ chức rà soát các quy hoạch (phân khu, chi tiết), các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,... để điều chỉnh cho phù hợp với thị xã trong bối cảnh mới; hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và các công trình công cộng,... hiện còn thiếu và chưa đạt tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Để giải quyết áp lực do tăng dân số, thị xã phải đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, gồm: Tăng diện tích nhà ở, tăng cường phát triển hạ tầng đô thị; tăng các cơ sở hậu cần thương mại - dịch vụ; tăng cường tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội; tăng lượng cung cấp dịch vụ, lương thực, thực phẩm, vui chơi giải trí, phương tiện giao thông, dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, khám chữa bệnh... Ngoài ra, các cấp chính quyền cần có chế độ giám sát của cộng đồng nhân dân; thực hiện nghiêm túc việc phạt, thưởng các đơn vị thực hiện chưa tốt hoặc tốt các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư.

2. Tác động đến quản lý hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Mặt tích cực:

Thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành mô hình quản lý nhà nước theo mô hình của chính quyền đô thị, khi đó chính quyền địa phương sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở chính quyền đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính của chính quyền địa phương; đồng thời, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính là các phường; ổn định số lượng tổ dân phố trên cơ sở các thôn không làm tăng số lượng tổ dân phố khi thành lập phường thuộc thị xã.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Thị xã và các phường sau khi được thành lập sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền đô thị, khi đó sẽ phát sinh nhiều giao dịch hành chính ở những lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc, cảnh quan môi trường, đất đai, cấp phép xây dựng, hộ tịch,...

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Nâng cao hơn nữa hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức; nâng cao chất lượng và cải tiến lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn; đẩy mạnh xây dựng và vận hành chính quyền điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý đô thị; đại biểu Hội đồng nhân dân để đáp ứng tốt vai trò quản lý nhà nước trong tình hình mới, trong đó chủ yếu đối với lĩnh vực xây dựng, đô thị, môi trường.

3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường

a) Mặt tích cực:

Kinh tế phát triển, ngân sách thị xã sẽ tăng nguồn thu từ đó chính quyền địa phương sẽ bố trí nguồn vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, gồm: Tăng diện tích nhà ở, tăng cường phát triển hạ tầng đô thị; tăng các cơ sở hậu cần thương mại - dịch vụ; tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội; tăng lượng cung cấp dịch vụ, lương thực, thực phẩm, vui chơi giải trí, phương tiện giao thông, dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, khám chữa bệnh,... điều này làm cho cuộc sống của người dân ngày càng tốt hơn.

Thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở huyện Việt Yên không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến danh lam thắng cảnh, làm xáo trộn đến đời sống dân cư.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình phát triển kinh tế bao giờ cũng kèm theo ảnh hưởng tới môi trường, nếu không có các biện pháp hợp lý sẽ có tác hại đến sự phát triển bền vững và gây các hậu quả xấu. Trong đó, các yếu tố ảnh hưởng môi trường, gồm:

- Quá trình tăng dân số cơ học do lao động tăng lên và tăng trưởng khách du lịch sẽ làm tăng thêm phát thải chất thải rắn như chất thải do quá trình sinh hoạt, cung ứng thực phẩm, các vật phẩm bao bì các loại; quá trình xây dựng khi đô thị hóa cũng thải ra rất nhiều vật liệu phế thải dạng rắn; sự gia tăng sản xuất các ngành kinh tế cũng đồng nghĩa với gia tăng chất thải, nhất là với những ngành công nghiệp chưa có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao; ngành nông nghiệp như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cũng thải nhiều rác thải.

- Các khu du lịch, dịch vụ, khách sạn, vui chơi và sinh hoạt cũng làm tăng nước thải sinh hoạt; ngành công nghiệp như chế biến có mức độ nước thải ô nhiễm cao.

- Sự gia tăng sử dụng phương tiện, xe cộ đáp ứng nhu cầu thương mại, dịch vụ làm tăng khí thải có hại trong khu vực.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tỉnh Bắc Giang và thị xã Việt Yên đã quy hoạch và đang đầu tư thực hiện các dự án về xử lý môi trường; quá trình thu gom chất thải rắn đã và đang ngày càng nâng cao tỷ lệ thu gom, đưa về các khu xử lý tập trung đảm bảo theo quy chuẩn môi trường; công suất xử lý chất thải rắn đã được tính đến cùng với sự phát triển nhanh của kinh tế - xã hội sau khi thành lập thị xã.

Các khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các khu vực dịch vụ du lịch đều có xử lý nước đạt tiêu chuẩn mới được xả ra môi trường; trong tương lai việc thu gom nước thải sinh hoạt khu vực nội thị để xử lý tập trung cũng được quy hoạch thực hiện. Bên cạnh các giải pháp trên, thị xã Việt Yên sẽ tăng thêm các khuôn viên cây xanh công cộng, phát triển trồng cây và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên nghiêm ngặt hơn.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

a) Mặt tích cực:

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị xã, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Thành lập thị xã là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Kinh tế phát triển, dân số biến đổi theo hướng tăng dân số cơ học, tạo áp lực lớn về quản lý xã hội, gia tăng nguy cơ bị kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống phá Nhà nước, bảo đảm an ninh xã hội và an toàn quốc phòng.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng hoàn chỉnh đề án khu vực phòng thủ quốc phòng an ninh giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030; xây dựng hệ thống phòng thủ toàn dân; thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho dân cư đô thị, thu hút lượng lớn lao động từ các địa phương khác, thay đổi căn bản diện mạo đô thị, giải quyết tốt

các áp lực về nhu cầu hạ tầng đô thị, nhu cầu dịch vụ và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Thành lập thị xã trên cơ sở nguyên trạng huyện nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới (trừ bố trí thêm công an chính quy). Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thị xã sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, sau khi thành lập thị xã, khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế sẽ tăng nhanh, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, từ đó có nguồn lực tiếp tục cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Khi thị xã được thành lập, giá trị đất đai tăng cao dưới tác động của việc đầu tư mạnh mẽ từ nguồn lực xã hội hóa. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách. Việc thành lập thị xã cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa tổ dân phố,... Vì vậy, phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý cho từng dự án, công trình và giai đoạn phát triển thị xã.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Hiện tượng giá đất tăng cao không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân người dân hay nhà đầu tư mà nó còn để lại hệ lụy đối với sự phát triển của địa phương, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, công bố công khai thông tin về quy hoạch, tiến độ triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án bất động sản đặc biệt là các dự án lớn và việc sáp nhập thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính,... tại địa phương để minh bạch thông tin, ngăn chặn hiện tượng đẩy giá để trục lợi bất hợp pháp là hết sức cần thiết.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực:

Do kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển tỷ trọng kinh tế ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch, giảm dần tỷ trọng kinh tế về nông – lâm – ngư nghiệp, sẽ làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu xã hội – lao động và cơ cấu xã hội - dân số, tăng dân số cơ học. Theo đó, công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch là ngành kinh tế thu hút nhiều lao động và đang chuyển hóa lao động nông thôn, nông nghiệp. Tăng số người trong ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch, giảm số người lao động nông nghiệp; đồng thời, sự thay đổi này cũng sẽ thu hút lao động từ các địa phương khác đến Việt Yên làm việc, tăng dân hàng năm. Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2022, cơ cấu công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch khu vực nội thị (09 phường) chiếm trên 99% trong cơ cấu kinh tế và chiếm 80,81% trong cơ cấu lao động của thị xã;

Dân số tăng tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển hạ tầng đô thị và tạo việc làm cho người dân. Theo đó, kinh tế tại các phường cũng có sự thay đổi theo hướng tăng cả về quy mô và tốc độ, theo dự báo đến năm 2025, tốc độ gia tăng giá trị sản xuất của các phường, như sau: Phường Bích Động từ 25 - 30%, phường Nénh 20%, phường Hồng Thái từ 18 - 22%, phường Ninh Sơn từ 15-20%, phường Quang Châu 20%,...

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Dân số tăng sẽ tạo áp lực lớn về quản lý xã hội; ngoài lương thực, thực phẩm cung cấp cho dân số thường trú, để đáp ứng nhu cầu cho người lao động là công nhân trong các khu, cụm công nghiệp, du khách tham quan, du lịch,... thì các phường sẽ phải tăng thêm lượng cung cấp lương thực, rau xanh, hoa quả, thực phẩm và nước sinh hoạt,... hoạt động này sẽ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trên địa bàn.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Để giải quyết áp lực do tăng dân số, chính quyền địa phương phải đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, tăng công suất thu gom, xử lý rác thải, nước thải,...

2. Quản lý hành chính

a) Mặt tích cực:

Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã, thị trấn không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp.... tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các phường giữ ổn định như hiện nay, gồm: HĐND có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ban; UBND có Chủ tịch, 1-2 Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên và các chức danh công chức (chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường đổi thành Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường).

Thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên là tiền đề để tổ chức, thiết lập chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn, thể hiện quá trình và mức độ đô thị hóa cao hơn, với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt, phù hợp với loại đơn vị hành chính đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, dân cư, cảnh quan, môi trường, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

b) Mặt hạn chế:

Sau khi thành lập phường, Công an tỉnh sẽ xây dựng phương án điều động cán bộ, chiến sỹ từ các đơn vị, địa phương khác trong toàn lực lượng của Công an tỉnh đến làm nhiệm vụ tại địa phương, mặc dù không tăng biên chế trong tổng số biên chế công an của tỉnh nhưng sẽ tăng số lượng công an tại các phường. Đồng thời, cần bố trí nơi làm việc riêng của công an phường thay cho việc sử dụng cùng trong công sở của các phường sẽ làm phát sinh ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc, phương tiện hoạt động.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức thị xã. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý dân cư để hỗ trợ việc quản lý hành chính đô thị và giao tiếp

giữa công dân và chính quyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tình hình mới.

3. Tác động về môi trường

a) Mặt tích cực:

Việc sinh sống tại môi trường đô thị sẽ góp phần nâng cao ý thức người dân về việc bảo vệ môi trường sống; chính quyền đô thị sẽ quan tâm đầu tư hơn cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường. Thành lập các phường sẽ là điều kiện thuận lợi để các xã, thị trấn giải quyết vấn đề phát triển đô thị và tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề. Đồng thời, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, xanh, sạch, đẹp

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Các phường được thành lập sẽ triển khai hoàn chỉnh thực hiện quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội kéo theo đó là sự gia tăng về dân số có thêm nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn, gia tăng chất thải, rác thải công nghiệp, sinh hoạt gây ra những tác động xấu đến môi trường tự nhiên.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tăng cường công tác thanh kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường, chất thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cần được quản lý chặt chẽ, nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn mới được xả ra môi trường; hạn chế khai thác nước ngầm, chống ô nhiễm môi trường nước mặt. Phát triển công trình xanh, xây dựng đô thị sinh thái nhằm giảm mức tiêu hao năng lượng trong các công trình, nhất là các trung tâm thương mại, khách sạn, các công sở, các cơ sở sản xuất.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực:

Về mặt quốc phòng, an ninh, sau khi thành lập các phường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn luôn được giữ vững và ổn định. Do sự gia tăng của nền kinh tế, các vấn đề xã hội cũng sẽ gia tăng; việc tăng cường bảo vệ an ninh, tăng cường quốc phòng là vấn đề cần giải quyết cho tốt. Trong thời gian sắp tới, các lực lượng vũ trang, an ninh phải tiếp tục tham mưu cho tổ chức Đảng, chính quyền các cấp tổ chức, triển khai hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, giải quyết tốt các vấn đề phức tạp, đấu tranh chống hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm đạt kết quả tốt. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu quan trọng; giữ vững ổn định chính trị, an ninh và chủ quyền quốc gia.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép,... sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý nhà nước và truyền thống văn hóa, cộng đồng dân cư.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân; xây dựng thị xã thành khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp phần giữ vững an ninh quốc phòng toàn thị xã; giữ vững an ninh chính trị, tăng cường đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh trật tự.

5. Tác động đến sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt của dân cư trên địa bàn

a) Mặt tích cực:

Sau khi thành lập các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế sẽ được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng phường văn minh đô thị, từ đó đời sống tinh thần và phúc lợi xã hội của người dân sẽ tốt hơn, hướng đến văn minh, tiến bộ, ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống nông thôn sang đô thị cho người dân.

Bên cạnh đó với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của nhân dân

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần. Bên cạnh đó khi thành lập các phường, một số thủ tục hành chính liên quan đến những giấy tờ quan trọng của người dân cần phải được điều chỉnh như: hộ khẩu, căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... bước đầu sẽ gây xáo trộn đời sống nhân dân.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững, sản xuất nông nghiệp sạch; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ VIỆT YÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; củng cố niềm tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền; xây dựng hệ thống chính trị từ thị xã đến cơ sở vững mạnh, bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của thị xã.

2. Tập trung huy động cao nhất mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh phát triển đô thị, tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của thị xã; tạo điều kiện phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Gắn phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Xây dựng và phát triển thị xã Việt Yên trên cơ sở khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, lấy công nghiệp là trọng điểm, công nghiệp dẫn dắt đô thị và dịch

vụ; bảo đảm nguyên tắc vốn ngân sách chủ yếu đầu tư các công trình động lực có sức lan tỏa, tranh thủ tối đa nguồn lực xã hội trên cơ sở tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế phát triển, nhất là kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng.

5. Phát triển thị xã Việt Yên trên cơ sở công tác quy hoạch đi trước một bước và quản lý chặt chẽ sự phát triển theo quy hoạch; gắn với định hướng thông minh, hiện đại và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, xã hội số. Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; đầu tư một số công trình mang tính biểu tượng; tạo lập các điểm nhấn không gian kiến trúc, cảnh quan; đồng thời cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ. Quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và phát triển kinh tế nông thôn phải gắn kết chặt chẽ với tiêu chí đô thị hóa.

6. Phát triển thị xã Việt Yên phải đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao mức sống người dân, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa địa phương, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị; sử dụng có hiệu quả đất đai; làm tốt công tác bảo vệ môi trường; kiểm soát dân số và chuyển dịch cơ cấu lao động đúng hướng; giữ vững ổn định an ninh, trật tự; xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, khơi dậy khát vọng và phát huy truyền thống cách mạng của quê hương Việt Yên anh hùng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện địa phương, khẳng định vững chắc vị thế trung tâm phát triển kinh tế, thị xã trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh; dịch vụ phát triển đa dạng; nông nghiệp phát triển ổn định theo hướng an toàn, chất lượng; kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đầu tư đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đô thị; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; môi trường sống được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và cuộc sống an toàn của nhân dân trên địa bàn thị xã.

b) Nâng cao diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường và giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa của đô thị Việt Yên gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

c) Cụ thể hoá định hướng phát triển của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Giang; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên; các quy hoạch chuyên ngành, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên địa bàn thị xã Việt Yên tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với thị xã Việt Yên

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (bao gồm cả KCN trên địa bàn) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 23%. Trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 23,2%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm (nếu không bao gồm KCN thì bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 15,1%; trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 17,8%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm).

b) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính tiền sử dụng đất) cả giai đoạn 2021-2025 mỗi năm tăng 13-14% so năm trước; thu tiền sử dụng đất đạt trên 7.800 tỷ đồng.

c) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt trên 73.000 tỷ đồng.

d) GTSX trên 1 ha canh tác đạt 138 triệu đồng/ha.

đ) Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%; mức độ 2 đạt 30%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học 100%.

e) Duy trì 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt 100%.

g) Đến năm 2025, tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa tối thiểu 80%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt tối thiểu 80%; phường đạt chuẩn đô thị văn minh đạt 100%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 90%.

h) Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 87%; tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có chứng chỉ 40%; tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm hơn 3.000 nghìn lao động.

i) Tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 95%; nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 100%.

k) Hoàn thành xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

l) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đến năm 2025 đạt 100%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại nông thôn đến năm 2025 đạt 93%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 91,5%.

m) Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%; tỷ lệ trưởng thôn là đảng viên đạt từ 80% trở lên.

2.2. Đối với các phường thuộc thị xã Việt Yên

a) Phường Bích Động

- Tăng trưởng - giá trị sản xuất đạt từ 25 - 30%; giá trị thu nhập từ nông nghiệp là 15%, thu nhập từ công nghiệp và dịch vụ là 85%.

- Thu nhập bình quân đầu người 80-90 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách tăng bình quân hằng năm 18- 20%.

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha 135 - 140 triệu đồng/ha.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Tỷ suất sinh giảm hàng năm là 0,2%; giảm hộ nghèo bình quân 5-10 hộ/năm.

- Nâng cao các tiêu chí đô thị văn minh, giữ vững các trường đạt chuẩn Quốc gia, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, 3.

- Nâng cao chất lượng chuẩn Quốc gia về y tế theo cấp độ chuẩn quy định, phân đầu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%; tỷ lệ hộ gia đình văn hoá đạt từ 93 - 95%; tỷ lệ làng, tổ dân phố văn hoá 85 - 90%.

b) Phường Nénh

- Tăng trưởng - giá trị sản xuất tăng 20%/năm; giá trị nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản chiếm 15%, tiểu thủ, thương mại dịch vụ chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế; lao động việc làm và xuất khẩu lao động đạt 85%.

- Thu ngân sách tăng bình quân 20%/năm; giá trị sản xuất bình quân/ha đạt 90 triệu; thu nhập bình quân đầu người đạt 85- 95 triệu đồng/người/năm.

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đạt từ 140 triệu đồng/ha.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 88%.
- Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%; mức độ 2 đạt 50%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học 100%; duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm xuống theo quy định.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%; tổ dân phố văn hóa đạt 91% trở lên.

c) Phường Hồng Thái

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 18- 22%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 10-15%; tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tăng từ 20 - 25%;

- Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 10- 15%; công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xây dựng chiếm từ 80 - 85% trong cơ cấu kinh tế của phường;

- Giá trị sản phẩm trên 1ha canh tác đạt 90 triệu đồng.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 190 - 200 tỷ đồng; huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến năm 2025 đạt 100 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 75-85 triệu đồng/người/năm

- Giữ vững phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ < 5 tuổi xuống dưới 10‰; tỷ lệ BHYT toàn dân đạt 100%; hộ nghèo, giảm bình quân hàng năm từ 0,1 – 0,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%.

- Tỷ lệ hộ được công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa” đạt 90%; tỷ lệ làng được công nhận danh hiệu “làng văn hóa” đạt 80%.

d) Phường Ninh Sơn

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 15-20%/năm.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi chiếm 20%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng từ 65-80%

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đạt từ 100-110 triệu đồng.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 60-75 triệu đồng/ người/năm. Thu ngân sách tăng 20%.

- Giảm hộ nghèo bình quân từ 15-20 hộ/năm.

- Duy trì 3/3 trường đạt chuẩn Quốc gia, phấn đấu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%.

- Tỷ lệ công nhận gia đình văn hoá đạt 93 - 95%; tỷ lệ làng văn hoá 85%.

đ) Phường Quang Châu

- Tổng giá trị sản xuất tăng 20%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 25%, thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp chiếm 75%.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 20%/năm.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 88%.

- Giá trị sản xuất đạt 80 triệu đồng/ha/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đến 2025 đạt 90 triệu đồng/người/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm xuống theo quy định; có trên 90% số tổ dân phố đạt làng văn hoá cấp huyện; trên 95% hộ gia đình đạt gia đình văn hoá.

e) Phường Quảng Minh

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 25- 30%/năm. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 15 - 20%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 35 -40%

- Nông nghiệp chiếm 15%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế của phường.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 84%.

- Giá trị sản xuất bình quân đạt từ 110 - 120 triệu đồng/ha; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 80- 85 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách tăng 18 - 20%/năm.
- Giảm hộ nghèo bình quân từ 17-20 hộ/năm.
- Nâng cao chất lượng phòng chuẩn quốc gia về y tế, phấn đấu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%.

- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 93 - 95%; tỷ lệ làng văn hoá 90%.

g) Phường Tăng Tiến

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 15-20%/năm.
- Nông nghiệp và thủy sản chiếm 4%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 36%; thương mại - dịch vụ chiếm 60% trong cơ cấu kinh tế.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 85-90 triệu đồng/năm
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.
- Thu ngân sách hàng năm tăng từ 5%-10%.
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) hàng năm giảm từ 1- 2%; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 85% trở lên, tỷ lệ làng đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 80% trở lên.

h) Phường Vân Trung

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 25- 30%/năm; trong đó, nông nghiệp tăng từ 15 - 20%, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 35 -40%
- Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 15%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế.
- Giá trị sản xuất đạt 110 triệu đồng/ha/năm trở lên.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 5-10%/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2%; giảm tỷ lệ sinh hàng năm dưới 1,5%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận văn hoá đạt 91,5%; tỷ lệ tổ phố được công nhận văn hóa đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%.

i) Phường Tự Lạn

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 25%/năm; trong đó, nông nghiệp tăng từ 15 - 20%, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 30- 35%
- Số hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ, số lao động có việc làm mới tại các công ty, xí nghiệp tăng từ 3-5%/năm
- Giá trị sản xuất đạt 120 triệu đồng/ha trở lên.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.
- Thu nhập bình quân đầu người 70 triệu đồng/người/năm.
- Thu ngân sách bình quân hàng năm tăng từ 10% - 12%/năm.
- Giữ vững phòng đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 10,5%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%.
- Tỷ lệ gia đình văn hoá hàng năm từ 88-90% trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

a) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Thị xã Việt Yên là trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh; sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh và được quan tâm khuyến khích nên đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp có tỷ trọng ngày càng lớn, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển nền kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu

kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, từng bước thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Theo đó, thời gian tới tỉnh Bắc Giang sẽ tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng chủ yếu sau:

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, theo hướng bền vững là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Phát triển công nghiệp tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; không chấp thuận mới dự án sản xuất công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ đầu tư, giải phóng mặt bằng, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp theo lộ trình triển khai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đề xuất mới trong Phương án phát triển thị xã giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động chuẩn bị tốt điều kiện về đất đai, mặt bằng với hạ tầng đồng bộ để thu hút các dự án đầu tư lớn, có tiềm năng; trọng tâm là khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Ninh Sơn -Tiên Sơn; khu công nghiệp Việt Hàn, khu công nghiệp Quang Châu mở rộng.

Thị xã Việt Yên sẽ tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ cả trong và ngoài các khu công nghiệp hiện có, phát triển thêm khu công nghiệp mới để khai thác tối đa lợi thế khu vực; phát triển cụm công nghiệp trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương; mở rộng một số cụm công nghiệp có điều kiện phát triển thuận lợi và tỷ lệ lấp đầy trên 95%, thành lập mới một số cụm công nghiệp để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tại khu vực nông thôn. Trước mắt, tập trung giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kết nối, hỗ trợ nhà đầu tư hạ tầng triển khai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được chấp thuận đầu tư hoặc cho phép khảo sát lập quy hoạch, như: Khu công nghiệp tại xã Tăng Tiến (quy mô 197 ha), khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hòa Yên (quy mô 128ha), khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bích Sơn - Tự Lạn - Trung Sơn (quy mô 224 ha), cụm công nghiệp Việt Tiến, cụm công nghiệp Hoàng Mai; bổ sung quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong giai đoạn đến năm 2030 (để thu hút nhà đầu tư hạ tầng trong giai đoạn 2023-2025) và giai đoạn sau năm 2030.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư đầu tư phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp gia công chính xác để hình thành, tham gia cụm tương hỗ sản xuất sản phẩm chủ lực (cơ khí chế tạo, điện tử, phụ trợ khác,...) và thu hút các dự án sản xuất có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm đất, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách, không chấp thuận các dự án có công nghệ thấp, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; đẩy nhanh đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp hiện có, trú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng của các cụm công nghiệp, làng nghề và các công trình ngoài hàng rào khu công nghiệp; đôn đốc nhà đầu tư cụm công nghiệp xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; khai thác lợi thế tuyến vành đai 4 và quốc lộ 37 quy hoạch bổ sung các cụm công nghiệp địa phương, đối với các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, rải rác, sớm có định hướng di dời khỏi khu vực phát triển đô thị, sang các cụm công nghiệp tập trung để đảm bảo cảnh quan và môi trường bên trong đô thị.

Định hướng phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực sau:

- Ngành công nghiệp điện tử: Đây là ngành công nghiệp chủ lực của khu công nghiệp thuộc huyện, cần ưu tiên phát triển có chiều sâu để cung cấp linh kiện cho các doanh nghiệp lắp ráp và các tập đoàn đa quốc gia trong khu vực và cả nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với các sản phẩm gồm: máy tính

và các thiết bị ngoại vi, linh kiện bán dẫn, linh kiện điện tử các loại cho các thiết bị điện tử gia dụng, điện thoại di động...; từng bước nâng cao tiềm lực công nghệ để chuyển từ gia công lắp ráp sang thiết kế, tự sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

- Ngành công nghiệp may mặc: Phát triển may mặc theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm; thu hút các dự án đầu tư ngành may mặc vào khu vực nông thôn, các địa bàn có lợi thế về lao động để giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ; phát triển sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt và may mặc tại các khu, cụm công nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất và bảo đảm vấn đề môi trường và từng bước khắc phục tình trạng phụ thuộc nguyên, phụ liệu nhập khẩu; tăng cường đầu tư chiều sâu, tham gia vào các công đoạn thiết kế mẫu mã, tiếp thị, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị tăng thêm trong sản phẩm và giảm dần tỷ lệ gia công.

- Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ chính như: linh kiện, phụ tùng, công nghiệp hỗ trợ dệt may - da giày, công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao; hình thành mạng lưới sản xuất nội địa với nhiều lớp cung ứng gồm các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nội địa với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

b) Phát triển thương mại – dịch vụ

Định hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ xác định cần hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn thị xã, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực trung tâm, gồm phường Bích Động và phường Nénh, các khu vực đô thị mới Quang Châu, Đình Trám với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các điểm giao dịch thu mua sản phẩm của người dân.

Thúc đẩy, có giải pháp phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội, đặc biệt là dịch vụ đáp ứng khu vực công nghiệp như khách sạn, dịch vụ giải trí, ăn uống. Khuyến khích phát triển các loại hình bán lẻ hiện đại như: trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tổng hợp và siêu thị chuyên doanh; từng bước phát triển mạng lưới cửa hàng tiện lợi gần kề ở các khu dân cư. Mở rộng phạm vi kết nối cung ứng hàng hoá, nông sản cho các khu công nghiệp. Khởi công xây dựng ít nhất 06 khách sạn, trung tâm thương mại tại Bích Động, Hồng Thái, Nénh; 01 bệnh viện Đa khoa tại Bích Động. Tiếp tục tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư hạ tầng thương mại tại khu vực vùng lõi đô thị và khu vực phát triển công nghiệp. Hoàn thành đầu tư Sân golf Việt Yên, Thu hút đầu tư trung tâm logistics (tại xã Ninh Sơn, Tiên Sơn) theo quy hoạch; Phê duyệt giá khởi điểm, đấu giá, giao đất, triển khai thực hiện dự án: Khách sạn tại Trung Sơn; Nhà ở cao tầng và Bệnh viện tại Khu B, Khu đô thị Đình Trám -Sen Hồ. Đầu tư hạ tầng hình thành các quỹ đất sạch (y tế, hỗn hợp, thương mại) tại thị trấn Nénh để đấu giá, thu hút đầu tư. Thực hiện tốt quản lý thị trường, chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thực hiện 2 lĩnh vực trọng tâm để phát triển nhanh khu vực dịch vụ là:

Du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh và công nghiệp; chú trọng mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài huyện; đẩy mạnh phát triển hệ thống công trình dịch vụ: dịch vụ nông nghiệp cung cấp vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ thực vật, thú y..., dịch vụ xã hội (bảo hiểm, ngân hàng, tín dụng, vận tải, thông tin liên lạc, tư vấn pháp luật...), dịch vụ vận tải, xăng dầu,... Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tới các điểm du lịch. Bên cạnh việc bảo tồn, tôn tạo các di tích, thắng cảnh của huyện, hoàn thiện, bổ sung các dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch.

Tăng cường các tuyến thăm quan có sự lựa chọn đa dạng thông qua việc đẩy mạnh liên kết với các huyện khác trong tỉnh cũng như với các địa phương khác lân cận. Phát triển các dịch vụ và khu du lịch mới: dịch vụ du lịch đô thị (sân golf...), khu du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp... Khoanh vùng và đề xuất các giải pháp tôn tạo lại các giá trị di tích lịch sử văn hóa.

Hình thành các cụm thương mại-dịch vụ tại khu vực có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc gắn với các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch, nghỉ dưỡng,...

c) Phát triển nông – lâm nghiệp – thủy sản

Nông nghiệp hàng hóa là định hướng chiến lược phát triển nông nghiệp của thị xã Việt Yên trong đó nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch là mũi nhọn. Để đảm bảo các tiêu chuẩn, các vùng sản xuất nông nghiệp sạch được bố trí xa khu công nghiệp, khu dân cư và bệnh viện, không nằm xen kẹt giữa các khu công nghiệp hay cụm công nghiệp. Quy hoạch các vùng sản xuất cây lương thực, sản xuất rau thực phẩm phục vụ chế biến xuất khẩu, cây công nghiệp ngắn ngày, vùng trồng hoa và nuôi trồng thủy sản.

Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng và giá trị 1ha đất nông nghiệp. Quan tâm phát triển thương hiệu, thị trường, xây dựng mô hình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại. Tập trung sản xuất cây trồng vật nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Phát triển một số cơ sở giới thiệu và bán sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển thương mại với phát triển du lịch, phát triển sản phẩm OCOP địa phương; đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ các vùng sản xuất chuyên canh lúa, rau màu, thủy sản. Xây dựng; củng cố, nâng cao chất lượng, các tiêu chí nông thôn mới, hướng đến các tiêu chí kiểu mẫu, gắn với phát triển đô thị. Làm tốt công tác quản lý đê điều, phòng chống thiên tai.

Đẩy mạnh hợp tác tạo liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị đối với các sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu, có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng.

Huy động linh hoạt, sáng tạo các nguồn lực xã hội để củng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn; tập trung vào các tiêu chí nâng cao thu nhập, mức sống và các điều kiện hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân nông thôn. Đẩy mạnh phong trào xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Gắn xây dựng nông thôn mới với bảo tồn, giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa truyền thống của từng địa phương.

- Về trồng trọt, rà soát, quy hoạch các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp; trong đó, rau thực phẩm, chủ yếu trồng tại các vùng thượng huyện và trung tâm huyện; đưa hệ số sử dụng đất lên 2,5-3 lần, tăng diện tích rau vụ Đông và tăng vụ trên đất khác; sản xuất rau đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng các mô hình sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ. Mở rộng diện tích ngô, khoai tây hiện tại bằng cách tăng diện tích vụ Đông, duy trì diện tích cây lạc, tăng diện tích cây hoa, cây cảnh.

- Về chăn nuôi, giữ nguyên chăn nuôi tập trung đàn lợn, xa khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Phát triển các loại gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi

trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Thủy sản, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi thủy sản thâm canh theo tiêu chuẩn VietGap; mục tiêu phấn đấu 100% diện tích nuôi trồng thủy sản sản xuất thâm canh và theo tiêu chuẩn VietGap.

d) Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường

Nâng cao hiệu lực quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực tài nguyên từ đất đai. Sớm hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2030 sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Quyết liệt, có hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn thị xã; rà soát cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước không còn sử dụng- các điểm đất công, đất xen kẹt, đất chưa sử dụng trong các khu dân cư để sắp xếp lại hoặc quy hoạch, khai thác hiệu quả, bảo đảm mỹ quan đô thị.

Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ gắn với tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cấp. Đến hết năm 2025 xử lý xong các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai còn tồn đọng; đối với các trường hợp lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích, tự ý chuyển đổi cây trồng trên đất phải được xử lý và hoàn trả nguyên trạng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về đất đai nhất là các vụ phát sinh mới. Gắn vai trò trách nhiệm của người đứng cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác đất trái phép. Tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc thu gom, xử lý rác thải. Tổ chức khoa học, vận hành có hiệu quả lò đốt rác thu hút theo hình thức xã hội hoá và các lò đốt rác công nghệ tại các xã, phường.

đ) Thu – chi ngân sách địa phương

Xác định thu ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành. Thực hiện quyết liệt các biện pháp tăng thu ngân sách. Chủ động đánh giá, phân tích giám sát chặt chẽ các nguồn thu hiện tại; khai thác triệt để các nguồn thu mới và các nguồn thu còn thất thu. Siết chặt quản lý điều hành ngân sách và quản lý tài sản công. Tập trung các biện pháp chống thất thu, trốn thuế, đặc biệt là chống thất thu ngân sách trong các lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản, khai thác khoáng sản, kinh doanh vận tải, cho thuê nhà trọ, hoạt động xây dựng, kinh doanh qua mạng,... Thực hiện tốt việc thu hồi, xử lý nợ đọng thuế; có biện pháp xử lý đối với các trường hợp nợ khó đòi; hạn chế tối đa phát sinh nợ thuế mới.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, nhất là các khoản thu tiền sử dụng đất theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng khung đô thị,... Giảm tối đa kinh phí hội nghị, học tập kinh nghiệm trong nước, không bố trí cho các nhiệm vụ không cần thiết. Tiết kiệm chi ngân sách để phục vụ công tác phòng, chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội trong điều kiện dịch bệnh xảy ra. Phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu về tài chính, ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được cấp trên giao; đảm bảo thực hiện kịp thời các nhiệm vụ chi.

3. Phát triển văn hóa – xã hội

a) Phát triển giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục rà soát, dự báo quy mô phát triển, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý. Đẩy mạnh thực hiện giải quyết vấn đề trường, lớp học xung quanh các KCN. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp gắn với rà soát, sắp xếp lại đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các cấp học theo quy định, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng.

- Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh sinh viên, bảo đảm an toàn trường học. Thực hiện đúng lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng và xã hội hóa; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nơi có đất thu hồi, chuyển mục đích làm công nghiệp, đô thị.

b) Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh, chất lượng điều trị.

- Tăng cường xã hội hóa y tế, phát triển y tế tư nhân theo quy hoạch (tại Khu dân cư Nguyễn Thế Nho, tại Khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, tại thị trấn Nénh, tại Ninh Sơn và Minh Đức). Thực hiện tích hợp, liên thông hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ sở y tế. Tiếp tục phát triển nhân lực y tế các cấp; quan tâm nâng cao y đức của đội ngũ y, bác sỹ và nhân viên y tế. Tăng cường quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi thực hiện các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện cơ chế lồng ghép, phối hợp liên ngành trong công tác dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em, phòng bệnh béo phì ở trẻ em.

c) Về phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị. Chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Thực hiện tốt công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, mang nét đặc trưng của Việt Yên, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hoá mới, phù hợp, làm giàu nét đẹp văn hoá địa phương. Giải quyết hợp lý, hài hoà giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác, giới thiệu, quảng bá những đặc trưng tự nhiên, văn hoá riêng biệt, tạo nên điểm nhấn nổi bật. Trọng tâm là quần thể di tích chùa Bỏ Đà – đình, chùa Thổ Hà; đền thờ tiến sỹ Thân Nhân Trung;...

Củng cố các thiết chế văn hoá cơ sở, trọng tâm là hệ thống trung tâm văn hóa cấp xã. Xây dựng một số công trình văn hoá tiêu biểu cấp đô thị.

Phát triển và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục, thể thao quần chúng; quan tâm phát triển sân bãi thể dục, thể thao ở cơ sở, trang bị một số thiết bị tập luyện ngoài trời ở một số khu công cộng; chú trọng phát triển thể dục - thể thao học đường. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao gắn với đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thể dục, thể thao.

d) Về phát triển khoa học – công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến, lĩnh vực môi trường và quản lý nhà nước.

đ) Thực hiện các chính sách xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm

Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, người dân bị thu hồi đất nông nghiệp.

Thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là vào dịp Tết, tháng giáp hạt hoặc khi xảy ra thiên tai để chủ động tham mưu thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiên tai khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời để ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, kịp thời triển khai các chính sách mới bổ sung để ổn định đời sống nhân dân. Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện theo quy hoạch. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật lang thang cơ nhỡ, không xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự

Tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội, nhất là các vấn đề về quan hệ hài hoà, ổn định, tiến bộ giữa lao động với doanh nghiệp, vấn đề tạo điều kiện để người dân có việc làm và thu nhập ổn định.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm. Huy động thêm các nguồn lực xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo.

3. Quốc phòng, an ninh

a) Về quốc phòng

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng. Xây dựng công trình Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, hệ thống văn kiện bảo đảm nhu cầu năm đầu chiến tranh, kế hoạch bảo đảm trong tác chiến phòng thủ huyện. Thực hiện tốt quy trình công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ, đạt chỉ tiêu trên giao.

b) Về an ninh trật tự

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, giám sát của nhân dân đối với lực lượng Công an huyện; nâng cao hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Công an huyện; (2) Nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện tổ chức bộ máy, bảo đảm biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ theo hướng ‘tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở’; (3) Đổi mới công tác Công an, công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ huy; (4) Tranh thủ các nguồn lực để bảo đảm tiềm lực cơ sở vật chất, khoa học, công nghệ, trang bị hiện đại, đồng bộ; (5) Đẩy mạnh xây dựng củng cố nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị

Giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, thị xã Việt Yên sẽ phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, đồng bộ cơ sở hạ tầng, giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng của đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái; tập trung xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; xây dựng đô thị đảm bảo khả năng huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế. Một mặt tiến hành phát triển đô thị mới, mặt khác liên tục tiến hành tái phát triển, chỉnh trang khu đô thị hiện hữu; tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, cải thiện điều kiện sống khu vực nông thôn trong huyện, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

Theo đó, thị xã sẽ tăng cường và nâng cao công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch; khẩn trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035; triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để thu hút đầu tư. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để đẩy nhanh việc lập quy hoạch trên địa bàn, trong đó phần đầu phủ kín quy hoạch chi tiết trên 80% đối với quỹ đất phát triển mới; bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trên địa bàn; hoàn thành lập quy hoạch chi tiết một số không gian đặc thù để thu hút phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn đến năm 2025 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; tập trung nguồn lực để thanh toán nợ xây dựng cơ bản và triển khai hoàn thành dứt điểm các công trình, dự án trọng điểm, đặc biệt là dự án giao thông kết nối vùng thị xã, mở rộng không gian mới để phát triển công nghiệp, dịch vụ. Tập trung bố trí vốn hoàn thành các dự án giao thông động lực, tiêu chí đô thị loại IV và thị xã; tăng cường quản lý hoạt động đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có năng lực để hoàn thành các Dự án.

a) Về phát triển hạ tầng giao thông

Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo không gian phát triển mới về công nghiệp, dịch vụ; nâng cấp quy mô cấp đường giao thông đô thị và nông thôn. Hoàn thành đầu tư các dự án giao thông trọng điểm, như: Cầu vượt Quốc lộ 1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom Quốc lộ 1; đường kết nối Quốc lộ 17 – khu công nghiệp Việt Hàn – khu công nghiệp Đình Trám với Quốc lộ 37; đường nối đường Vành đai IV (thị xã Việt Yên) với Khu đô thị mới Tây Bắc (thành phố Bắc Ninh); đường nối Quốc lộ 17 với Quốc lộ 37 qua khu công nghiệp Vân Trung; đường kết nối Quốc lộ 37 đi đường Vành đai IV vùng Thủ đô Hà Nội; xây mới đường từ khu công nghiệp Quang Châu kết nối với đường ĐH5 và khu công nghiệp Yên Lư (Yên Dũng); đường kết nối đường tránh Quốc lộ 37 với Quốc lộ 17 của thành phố Bắc Giang (qua Nghĩa Trung). Hoàn thiện mạng khung giao thông chính trên địa bàn, như: Vành đai IV, tuyến nối các huyện Hiệp Hòa - Việt Yên - Tân Yên – Lạng Giang; tuyến kết nối Việt Yên – Tân Yên – ĐT294; cầu vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang tại phường Tăng Tiến và phường Nénh.

Tiếp tục hoàn thiện mạng đường trong khu vực phường Bích Động, phường Nénh và khu đô thị mới phía Nam và khu Tây Nam.

Xây dựng một số bãi đỗ xe tĩnh tại phường Bích Động, phường Vân Trung quy mô khoảng 2,5 ha, phía Nam phường Nénh khoảng 2,3 ha.

b) Về phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Thực hiện đầu tư hạ tầng bên ngoài hàng rào khu công nghiệp theo quy hoạch; trọng tâm là hệ thống giao thông, điện, nước, nhà ở công nhân,.... Quan tâm hạ tầng xã

hội tại các xã xung quanh khu công nghiệp. Hỗ trợ các chủ đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đã được chấp thuận đầu tư và các khu vực theo quy hoạch.

c) Về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:

Đầu tư hệ thống thủy lợi, hạ tầng điện, đường nội đồng phục vụ các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp, gắn với thu hút công nghiệp chế biến và ứng dụng công nghệ cao. Huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch, kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống và đáp ứng điều kiện sống mới.

d) Về phát triển hạ tầng điện

Nâng cấp Trạm 110kV khu công nghiệp Vân Trung bằng việc lắp thêm máy 2 1x63MVA; nâng cấp Trạm 110kV khu công nghiệp Quang Châu bằng việc lắp thêm máy 2 1x40MVA; xây mới trạm 110kV công suất 1x63MVA cho mỗi khu công nghiệp quy hoạch.

Với trạm hạ áp 22/0,4kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành; các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực, bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu.

đ) Về phát triển hạ tầng cấp nước

Bổ sung nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước DNP Bắc Giang cho đô thị Việt Yên khoảng 25.000 m³/ngđ; giữ nguyên công suất hiện có nhà máy nước Việt Yên: 9.000 m³/ngđ; nhà máy nước xã Quang Châu. Đầu tư xây dựng 01 nhà máy nước sạch tại Tiên Sơn để phục vụ khu công nghiệp Hòa Yên và cư dân khu vực. Nâng công suất trạm bơm tăng áp Bích Động: 15.000 m³/ngđ và trạm bơm tăng áp Tăng Tiến lên 3.000 m³/ngđ. Cải tạo và nâng công suất trạm cấp nước Vân Hà: 1.500 m³/ngđ nguồn nước sông Cầu.

e) Về phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Quy hoạch thoát nước thải: Giai đoạn đến 2025, thu hút đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư PPP 01 trạm xử lý nước thải tại lưu vực thị trấn Bích Động, công suất 5.000 m³/ngđ. Đồng bộ hệ thống thu gom toàn lưu vực thu nước. Tại các khu vực ngoại thị và các xã, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung.

- Quy hoạch quản lý CTR: Thu hút đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại khu xử lý rác tập trung của huyện hoặc khu xử lý của xã Thượng Lan để tăng cường năng lực xử lý rác thải sinh hoạt trong khoảng 5 năm tới; trang bị thêm lò đốt rác công nghệ tại các địa phương. Tiếp tục sử dụng khu xử lý CTR hợp vệ sinh hiện có của huyện trong giai đoạn đầu đến trước năm 2025 (diện tích 6,22ha).

- Quy hoạch nghĩa trang: Đối với các nghĩa trang hiện có sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tiếp tục quy hoạch mở rộng, cải tạo các nghĩa trang mới.

g) Về phát triển hạ tầng thông tin truyền thông

Từng bước hạ ngầm các tuyến cáp xuống vỉa hè để bảo đảm mỹ quan ở khu vực phát triển đô thị cũ. Thực hiện đồng bộ hạ ngầm tại các khu đô thị, khu dân cư mới.

h) Về phát triển hạ tầng xã hội:

- Y tế: Xây mới, cải tạo, nâng cấp 100% trạm y tế xã đã xuống cấp. Nâng cấp Trung tâm y tế thị xã lên quy mô 350 giường và mở rộng diện tích 2,5 ha.

Quy hoạch, thu hút đầu tư bệnh viện quy mô 350 giường tại đường Nguyễn Thế Nho (diện tích 2,0 ha); 01 bệnh viện đa khoa tại phường Bích Động 300 giường; phòng khám đa khoa tại các khu vực đô thị mới theo quy hoạch tại phường Ninh Sơn, diện tích 0,3ha/1 công trình.

- Giáo dục: Xây mới các trường học xuống cấp, bổ sung phòng học, phòng chức năng còn thiếu theo kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn đô thị loại IV và thị xã.

- Giáo dục nghề nghiệp: Đến năm 2025 thị xã có 3 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: Giữ nguyên 01 điểm trường Đại học Nông lâm; giữ nguyên Trung tâm giáo dục thường xuyên – dạy nghề thị xã; quy hoạch, thu hút, thành lập mới 01 Trường Cao đẳng tư thục đào tạo ở nhóm nghề công nghiệp – xây dựng và dịch vụ với quy mô 4-5 ha, tại phường Bích Động.

- Văn hóa:

Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt di tích Đình, chùa Thổ Hà; lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia với 5 di tích: Đình Thượng Lát, sỏi Vạt cầu nước, đình Mai Vũ, đình Khả Lý Hạ, chùa An Thổ Tự; lập hồ sơ quy hoạch xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với 23 di tích. Hoàn thiện, bổ sung quy hoạch sử dụng đất và đầu tư xây dựng Nhà Văn hoá đa năng đảm bảo diện tích trên 5.000 m²; xây dựng Thư viện (độc lập) với quy mô diện tích từ 500-1.000m²; xây dựng 02 công viên trung tâm tại phường Bích Động và phường Nénh; 01 Rạp chiếu phim phường Bích Động. Bổ sung quy hoạch đất và xây dựng nhà văn hóa cho các đơn vị hành chính cấp xã chưa có nhà văn hóa đạt chuẩn.

- Thể dục thể thao: Xây dựng và hoàn thiện cơ bản đầy đủ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu ở tất cả các cấp thị xã. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập. Đến năm 2025, đất cơ sở văn hoá, cơ sở thể dục thể thao toàn thị xã đạt từ 5 - 6 m²/người, đến năm 2030 đạt 6 - 7 m²/người. Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao đồng bộ ở cả 2 cấp hành chính, trong đó thị xã hoàn thành đầu tư xây dựng Thư viện thị xã, Sân vận động thị xã, Quần thể thể dục thể thao thị xã, nhà thiếu nhi, một số công viên tại đô thị trung tâm; tất cả các thôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã có ít nhất 01 điểm vui chơi cộng đồng.

Đến năm 2025, phần đầu 90% xã, phường có: 01 sân thể thao phổ thông diện tích từ 6.000-7.000m², bố trí đủ diện tích sân bóng 11 người; 01 nhà tập thể dục thể thao kết hợp sinh hoạt văn hóa, diện tích từ 500m²; có từ 3-6 sân tập từng môn: bóng chuyền, cầu lông, đá cầu... hoặc thể thao ngoài trời.

- Công viên, cây xanh: Quy hoạch cải tạo các ngòi, đầm trũng tại khu vực các phường Bích Động, Quảng Minh và Ninh Sơn, kết hợp xây dựng các khu công viên cây xanh mặt nước tự nhiên tạo thành một hệ thống liên hoàn, vừa có tác dụng tiêu thoát nước, vừa đem lại giá trị cảnh quan, du lịch, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đô thị. Quy hoạch, xây dựng các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị, khu ở, đảm bảo tối thiểu đạt 2m²/người. Giai đoạn đến năm 2025, tập trung đầu tư 04 công viên: Công viên, cây xanh trung tâm thị xã tại phường Bích Động; công viên Nguyễn Thế Nho; mở rộng quảng trường trung tâm phường Nénh; công viên trung tâm phường Nénh. Đầu tư đồng bộ cây xanh tại các tuyến đường hiện hữu Quốc lộ 37, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 298 và 100% các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn có quy mô từ 5 ha trở lên.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm: Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà; đền thờ Danh nhân văn hóa tiến sĩ Thân

Nhân Trung; Làng văn hóa du lịch Vân Hà; Làng bảo tồn quan họ xã Ninh Sơn; Làng Sen Hồ thị trấn Nền; Khu sân golf, dịch vụ Việt Yên; cải tạo nâng cấp các di tích đã xếp hạng.

Phần thứ năm **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

I. KẾT LUẬN

Việc thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên là phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa nhanh trên địa bàn huyện Việt Yên trong những năm qua; đồng thời, việc thành lập đơn vị hành chính đô thị nhằm tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý ở đô thị; đây cũng là động lực mạnh mẽ tiếp tục thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Việt Yên trong thời gian tới.

Việc thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đã bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đây cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang trình Chính phủ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh Bắc Giang;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND huyện Việt Yên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện Việt Yên;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện Việt Yên;
- Các cơ quan của tỉnh, Trung ương trên địa bàn huyện Việt Yên;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, thị trấn huyện Việt Yên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH